

DANH SÁCH THÍ SINH DỰ THI ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC TIẾNG ANH CHUẨN ĐẦU RA
KỲ THI NGÀY 20/12/2025

Địa điểm thi: Trường Đại học Ngoại ngữ, ĐHDN (131 Lương Nhữ Hộc, Phường Cẩm Lệ, Đà Nẵng)
Thời gian thi Ca 1 (7h00-11h30); Ca 2 (13h00- 17h30)

TT	SBD	Họ và tên	Số thẻ SV	Ngày sinh	Lớp	Ca thi	Phòng thi
1	201201	Hồ Lê An	412220214	03/10/2004	22CNATMCLC02	1	1(A401)
2	201202	Nguyễn Thị Hà An	411220040	15/07/2004	22CNA02	1	1(A401)
3	201203	Nguyễn Thùy Phước Ân	411210586	22/02/2003	21CNACLC01	1	1(A401)
4	201204	Đậu Lê Phương Anh	411210415	02/11/2003	21CNA08	1	1(A401)
5	201205	Hoàng Tú Anh	412230002	18/02/2005	23CNADL01	1	1(A401)
6	201206	Lê Thị Vân Anh	412200120	30/03/2002	20CNATM01	1	1(A401)
7	201207	Lữ Thị Anh	412210042	13/01/2003	21CNADL02	1	1(A401)
8	201208	Nguyễn Lê Quỳnh Anh	415220001	11/07/2004	22CNT01	1	1(A401)
9	201209	Nguyễn Ngọc Hoàng Anh	416220143	05/07/2004	22CNQTH02	1	1(A401)
10	201210	Nguyễn Thị Lan Anh	415220036	12/08/2004	22CNT01	1	1(A401)
11	201211	Nguyễn Thị Ngọc Anh	411220042	23/03/2004	22CNA02	1	1(A401)
12	201212	Nguyễn Thị Như Anh	411220080	01/05/2004	22CNA03	1	1(A401)
13	201213	Nguyễn Thị Vân Anh	412220215	10/02/2003	22CNATMCLC02	1	1(A401)
14	201214	Nguyễn Thị Vân Anh	412210172	26/10/2003	21CNADLCLC01	1	1(A401)
15	201215	Nguyễn Thị Vân Anh	411220231	19/09/2004	22CNA07	1	1(A401)
16	201216	Nguyễn Xuân Anh	412220001	29/09/2004	22CNADL01	1	1(A401)
17	201217	Phạm Thị Thùy Anh	411220118	18/10/2004	22CNA04	1	1(A401)
18	201218	Phan Hồng Anh	411220413	22/06/2004	22CNACLC02	1	1(A401)
19	201219	Phan Nguyễn Hoàng Anh	412220108	26/06/2004	22CNATM01	1	1(A401)
20	201220	Trần Thị Kim Anh	411180083	09/01/2000	18CNA04	1	1(A401)
21	201221	Trần Thị Tú Anh	412220241	16/03/2004	22CNATMCLC03	1	1(A401)
22	201222	Trịnh Lan Anh	416200075	08/11/2002	21CNQTHCLC01	1	1(A401)
23	201223	Trương Công Anh	411220041	01/08/2004	22CNA02	1	1(A401)
24	201224	Lê Nguyễn Minh Ánh	411210123	13/03/2003	21CNA01	1	1(A401)
25	201225	Nguyễn Hoàng Ánh	411220308	26/10/2004	22CNA09	1	1(A401)
26	201226	Nguyễn Hồng Ánh	411200059	12/06/2002	21CNA01	1	1(A401)
27	201227	Nguyễn Thị Ngọc Ánh	415220106	03/10/2004	22CNTDL01	1	1(A401)
28	201228	Trần Hoàng Minh Ánh	411200673	04/05/2002	20CNACLC05	1	1(A401)
29	201229	Nguyễn Thị Ngọc Bảo	419220058	25/06/2004	22SPT01	1	2(A402)
30	201230	Trương Đỗ Thanh Bình	417220269	07/04/2004	22CNTL01	1	2(A402)
31	201231	H Zip Byă	411220043	09/05/2003	22CNA02	1	2(A402)
32	201232	Bùi Văn Cao	411190495	19/11/2001	19CNACLC06	1	2(A402)
33	201233	Xaovongyuen Chaisakon	416220203	01/06/2002	22CNQTH02	1	2(A402)
34	201234	Nguyễn Thảo Châu	412190497	14/05/2001	19CNATMCLC04	1	2(A402)
35	201235	Nguyễn Vũ Châu	411200769	21/12/2002	20CNACLC07	1	2(A402)
36	201236	Trần Nguyễn Bảo Châu	412220004	05/03/2004	22CNADL01	1	2(A402)
37	201237	Trần Thị Ngọc Châu	416220144	18/08/2004	22CNQTH02	1	2(A402)
38	201238	Dương Trần Bảo Chi	415220037	03/09/2004	22CNTDL01	1	2(A402)
39	201239	Nguyễn Minh Chi	416220104	12/09/2004	22CNQTH01	1	2(A402)
40	201240	Nguyễn Quỳnh Chi	411220233	20/07/2004	22CNA07	1	2(A402)
41	201241	Phạm Linh Chi	416220145	20/01/2004	22CNQTH02	1	2(A402)
42	201242	Nguyễn Thiện Chí	411220196	15/06/2004	22CNA06	1	2(A402)
43	201243	Huỳnh Thị Cúc	412180112	16/10/2000	18CNADL01	1	2(A402)
44	201244	Hoàng Đức Cường	412220297	06/08/2004	22CNATMĐT01	1	2(A402)

TT	SBD	Họ và tên	Số thẻ SV	Ngày sinh	Lớp	Ca thi	Phòng thi
45	201245	Bạch Hoàng Khánh Đan	412220271	04/09/2004	22CNATMCLC04	1	2(A402)
46	201246	Nguyễn Lê Linh Đan	411200798	14/06/2002	20CNACLC08	1	2(A402)
47	201247	Dương Tấn Đạt	412200341	28/01/2002	20CNATMCLC04	1	2(A402)
48	201248	Phan Duy Đạt	412220150	13/02/2002	22CNATM02	1	2(A402)
49	201249	Trương Nguyễn Tiến Đạt	412220005	02/07/2004	22CNADL01	1	2(A402)
50	201250	Bùi Thúy Diễm	412220190	24/06/2004	22CNATMCLC01	1	2(A402)
51	201251	Nguyễn Thúy Diễm	412220219	03/07/2004	22CNATMCLC02	1	2(A402)
52	201252	Phạm Thân Thạch Diệp	411220121	04/01/2004	22CNA04	1	2(A402)
53	201253	Bồ Thảo Diệu	415220038	02/03/2004	22CNT01	1	2(A402)
54	201254	Lê Thị Mỹ Diệu	415220143	26/02/2004	22CNTTM01	1	2(A402)
55	201255	Huỳnh Phúc Hạnh Đoan	411200675	14/05/2002	20CNACLC05	1	2(A402)
56	201256	Lê Thị Thục Đoan	416220106	04/10/2004	22CNQTH01	1	2(A402)
57	201257	Lý Hoài Đức	411200588	24/01/2002	20CNACLC02	1	3(A403)
58	201258	Nguyễn Hữu Đức	411220390	12/06/2004	22CNACLC01	1	3(A403)
59	201259	Đỗ Thị Kim Dung	411210335	27/09/2003	21CNA06	1	3(A403)
60	201260	Dương Thị Thùy Dung	411210503	26/01/2003	21CNA10	1	3(A403)
61	201261	Hồ Trịnh Phương Dung	412170086	24/10/1999	17CNADL02	1	3(A403)
62	201262	Lê Khánh Ngọc Dung	411170841	28/02/1999	17CNACLC03	1	3(A403)
63	201263	Ngô Thị Dung	411210419	14/08/2003	21CNA08	1	3(A403)
64	201264	Nguyễn Thị Dung	411220273	08/07/2004	22CNA08	1	3(A403)
65	201265	Nguyễn Thị Thùy Dung	411220006	28/01/2004	22CNA01	1	3(A403)
66	201266	Phùng Lê Quỳnh Dung	415220108	23/09/2004	22CNTDL01	1	3(A403)
67	201267	Thái Thị Dung	412200167	26/10/2002	20CNATM02	1	3(A403)
68	201268	Trần Thị Mỹ Dung	415220144	04/07/2004	22CNTTM01	1	3(A403)
69	201269	Trần Thị Phan Dung	412210267	25/01/2003	21CNATMCLC03	1	3(A403)
70	201270	Trần Thị Phương Dung	411200589	15/06/2002	20CNACLC02	1	3(A403)
71	201271	Trần Thị Thùy Dung	412210045	08/04/2003	21CNADL02	1	3(A403)
72	201272	Võ Thị Kim Dung	412220112	14/09/2004	22CNATM01	1	3(A403)
73	201273	Võ Thị Thùy Dung	412170840	26/12/1999	17CNATMCLC01	1	3(A403)
74	201274	Hoàng Việt Dũng	411210649	11/04/2003	21CNACLC03	1	3(A403)
75	201275	Nguyễn Vũ Dương	419220025	07/07/2004	22SPA02	1	3(A403)
76	201276	Nguyễn Duy	416190011	15/10/2001	19CNQTH01	1	3(A403)
77	201277	Lê Thị Phương Duyên	411200650	17/05/2002	20CNACLC04	1	3(A403)
78	201278	Lê Thị Quỳnh Duyên	411210650	11/06/2003	21CNACLC03	1	3(A403)
79	201279	Nguyễn Ngọc Mỹ Duyên	411220198	05/08/2004	22CNA06	1	3(A403)
80	201280	Nguyễn Thị Hồng Duyên	412210207	24/03/2003	21CNATMCLC01	1	3(A403)
81	201281	Nguyễn Thị Phương Duyên	417210005	28/04/2003	21CNJ01	1	3(A403)
82	201282	Nguyễn Thị Quý Duyên	411210679	01/09/2003	21CNACLC04	1	3(A403)
83	201283	Trần Huỳnh Duyên	411210739	22/05/2003	21CNACLC06	1	3(A403)
84	201284	Bùi Thị Giang	412200045	27/08/2002	20CNADL02	1	3(A403)
85	201285	Đinh Đỗ Quỳnh Giang	411210591	02/03/2003	21CNACLC01	1	4(B401)
86	201286	Đinh Thị Thanh Giang	411220124	06/11/2004	22CNA04	1	4(B401)
87	201287	Dương Thị Hương Giang	411200193	25/12/2002	20CNA04	1	4(B401)
88	201288	Ngô Thị Hà Giang	415220040	06/09/2004	22CNTDL01	1	4(B401)
89	201289	Nguyễn Hoàng Vân Giang	411220086	03/08/2004	22CNA03	1	4(B401)
90	201290	Nguyễn Thị Giang	411220350	19/08/2004	22CNA10	1	4(B401)
91	201291	Nguyễn Thị Quỳnh Giang	411200279	07/10/2002	20CNA06	1	4(B401)
92	201292	Phan Thị Trà Giang	415220109	25/07/2004	22CNTDL01	1	4(B401)
93	201293	Trần Thị Hương Giang	411220007	07/04/2004	22CNA01	1	4(B401)
94	201294	Nguyễn Thị Ngọc Giàu	411210338	12/07/2003	21CNA06	1	4(B401)
95	201295	Cao Minh Hà	416220034	14/05/2004	22CNDPH01	1	4(B401)

TT	SBD	Họ	và tên	Số thẻ SV	Ngày sinh	Lớp	Ca thi	Phòng thi
96	201296	Lê Thị Thái	Hà	411220275	21/05/2004	22CNA08	1	4(B401)
97	201297	Nguyễn Ngọc	Hân	411200590	10/07/2002	20CNACLC02	1	4(B401)
98	201298	Nguyễn Thị Ngọc	Hân	411180706	10/10/2000	18CNACLC01	1	4(B401)
99	201299	Đỗ Thị Thúy	Hằng	412180709	15/07/2000	18CNATMCLC02	1	4(B401)
100	201300	Lê Thị	Hằng	411190087	15/08/2001	19CNA03	1	4(B401)
101	201301	Phạm Thị Thúy	Hằng	411200281	12/03/2001	20CNA06	1	4(B401)
102	201302	Trương Thị Mỹ	Hằng	411220125	23/06/2004	22CNA04	1	4(B401)
103	201303	Hồ Thị	Hạnh	411190082	14/04/2001	19CNA05	1	4(B401)
104	201304	Ngô Thị Mỹ	Hạnh	416220036	26/05/2004	22CNDPH01	1	4(B401)
105	201305	Nguyễn Thị	Hạnh	412210239	11/03/2003	21CNATMCLC02	1	4(B401)
106	201306	Nguyễn Thị	Hạnh	412220007	04/04/2004	22CNADL01	1	4(B401)
107	201307	Phạm Trương Vy	Hạnh	411220479	02/09/2004	22CNATT01	1	4(B401)
108	201308	Trần Mai	Hạnh	411200709	12/01/2002	20CNACLC06	1	4(B401)
109	201309	Đỗ Thị	Hiền	411220276	29/02/2004	22CNA08	1	4(B401)
110	201310	Hồ Thị	Hiền	411210341	12/06/2003	21CNA06	1	4(B401)
111	201311	Huỳnh Thị Thanh	Hiền	411210711	11/03/2003	21CNACLC05	1	4(B401)
112	201312	Lê Thị Thanh	Hiền	412220274	09/07/2004	22CNATMCLC04	1	4(B401)
113	201313	Nguyễn Thị Thúy	Hiền	411190553	01/11/2001	19CNACLC08	1	5(B402)
114	201314	Trần	Hiền	412210009	01/12/2003	21CNADL01	1	5(B402)
115	201315	Trần Thị Thu	Hiền	412220047	06/10/2004	22CNADL02	1	5(B402)
116	201316	Võ Thanh	Hiền	411210553	20/09/2003	21CNATT01	1	5(B402)
117	201317	Phạm Quang	Hiệp	411200483	01/02/2002	20CNA11	1	5(B402)
118	201318	Nguyễn Phương Hoài	Hiếu	415220078	30/10/2004	22CNTTM02	1	5(B402)
119	201319	Huỳnh Thị Quỳnh	Hoa	412180206	09/11/2000	18CNATM02	1	5(B402)
120	201320	Lê Trần Mai	Hoa	419220060	13/10/2004	22SPT01	1	5(B402)
121	201321	Nguyễn Thị Thu	Hòa	411210801	16/01/2001	21CNACT2	1	5(B402)
122	201322	Phạm Thị Khánh	Hòa	415220148	06/10/2004	22CNTTM02	1	5(B402)
123	201323	Phạm Thu	Hoài	417220083	04/09/2004	22CNH03	1	5(B402)
124	201324	Phí Thị Thu	Hoài	411190563	06/07/2001	19CNACLC03	1	5(B402)
125	201325	Hồ Thị	Hoàng	417210085	01/09/2003	22CNH01	1	5(B402)
126	201326	Mai Nguyễn Kim	Hoàng	412220222	07/07/2004	22CNATMCLC02	1	5(B402)
127	201327	Nguyễn Việt	Hoàng	411200485	16/02/2002	20CNA11	1	5(B402)
128	201328	Trần Thị Mộng	Hoàng	415220044	28/02/2004	22CNT01	1	5(B402)
129	201329	Trần Văn Phi	Hoàng	412210011	03/03/2003	21CNADL01	1	5(B402)
130	201330	Huỳnh Thị	Hồng	411180213	16/08/2000	18CNA04	1	5(B402)
131	201331	Lê Thị Thu	Hồng	411220126	29/09/2004	22CNA04	1	5(B402)
132	201332	Nguyễn Thị	Hồng	415220079	20/10/2003	22CNTTM01	1	5(B402)
133	201333	Nguyễn Thị Khánh	Hồng	411220164	08/10/2004	22CNA05	1	5(B402)
134	201334	Võ Ánh	Hồng	411200593	31/08/2002	20CNACLC02	1	5(B402)
135	201335	Nguyễn Huy	Hợp	411220202	25/08/2004	22CNA06	1	5(B402)
136	201336	Nguyễn Thị	Huệ	411210653	11/07/2003	21CNACLC03	1	5(B402)
137	201337	Phạm Thu	Huệ	411220316	14/01/2004	22CNA09	1	5(B402)
138	201338	Đặng Thị Thanh	Hương	412220049	17/05/2004	22CNADL02	1	5(B402)
139	201339	Dương Thị Thu	Hương	411210510	02/08/2003	21CNA10	1	5(B402)
140	201340	Nguyễn Thị Thu	Hương	412170230	04/07/1999	17CNATM01	1	5(B402)
141	201341	Nguyễn Trần Hà	Hương	411200160	05/09/2002	21CNA03	1	6(B403)
142	201342	Phan Thị Thu	Hương	415220010	10/05/2004	22CNTDL01	1	6(B403)
143	201343	Trần Thị Lan	Hương	411210426	17/04/2003	21CNA08	1	6(B403)
144	201344	Bùi Công	Huy	412180741	23/08/2000	18CNATMCLC04	1	6(B403)
145	201345	Huỳnh Đức	Huy	411210133	26/05/2003	22CNA01	1	6(B403)
146	201346	Trần Đức	Huy	411180749	11/11/2000	18CNACLC02	1	6(B403)

TT	SBD	Họ và tên	Số thẻ SV	Ngày sinh	Lớp	Ca thi	Phòng thi
147	201347	Chương Thị Cẩm Huyền	415220080	22/09/2004	22CNTDL01	1	6(B403)
148	201348	Chu Thị Thanh Huyền	411220052	27/01/2004	22CNA02	1	6(B403)
149	201349	Đỗ Bích Huyền	412200050	25/09/2002	20CNADL02	1	6(B403)
150	201350	Đoàn Thị Lệ Huyền	417220048	20/07/2004	22CNH02	1	6(B403)
151	201351	Mai Khánh Huyền	412210272	22/07/2003	21CNATMCLC03	1	6(B403)
152	201352	Mai Thị Thanh Huyền	412200090	28/10/2002	20CNADL03	1	6(B403)
153	201353	Nguyễn Thị Huyền	412220223	02/01/2004	22CNATMCLC02	1	6(B403)
154	201354	Phan Thị Huyền	411220203	10/09/2004	22CNA06	1	6(B403)
155	201355	Trần Thị Hải Huyền	411190131	19/04/2001	19CNA04	1	6(B403)
156	201356	Trần Thu Huyền	412170235	10/10/1999	17CNADL02	1	6(B403)
157	201357	Vũ Khánh Huyền	411220317	06/10/2004	22CNA09	1	6(B403)
158	201358	Vũ Thị Thanh Huyền	415220115	05/10/2004	22CNT01	1	6(B403)
159	201359	Lê Nguyên Khang	411170907	22/10/1999	17CNACLC04	1	6(B403)
160	201360	Ngô Vinh Khang	414220046	25/02/2004	22CNNDL01	1	6(B403)
161	201361	Huỳnh Bảo Khanh	411200683	08/07/2002	20CNACLC05	1	6(B403)
162	201362	Lâm Mai Bảo Khanh	411220242	23/08/2004	22CNA07	1	6(B403)
163	201363	Lê Thị Vân Khánh	411200594	19/08/2002	20CNACLC02	1	6(B403)
164	201364	Nguyễn Văn Khánh	415220180	21/12/2004	22CNTCLC01	1	6(B403)
165	201365	Nguyễn Lương Hương Khoa	411210134	28/08/2003	21CNA01	1	6(B403)
166	201366	Nguyễn Thị Kiều	412190582	20/05/2001	19CNATMCLC04	1	6(B403)
167	201367	Trần Thị Thúy Kiều	415220152	10/01/2004	22CNTDL01	1	6(B403)
168	201368	Nguyễn Ngọc Diệu Kỳ	411170916	05/06/1999	17CNACLC01	1	6(B403)
169	201369	Nguyễn Hiền Lam	411210744	14/12/2003	21CNACLC06	1	7(C402)
170	201370	Trương Thị Thanh Lam	411220205	10/01/2004	22CNA06	1	7(C402)
171	201371	Hồ Thị Mỹ Lan	413220013	28/10/2004	22CNP01	1	7(C402)
172	201372	Trần Hà Lan	411210470	04/02/2003	21CNA09	1	7(C402)
173	201373	Trịnh Thị Mỹ Lan	411210512	06/08/2003	21CNA10	1	7(C402)
174	201374	Lê Thị Thanh Lê	411200451	26/09/2002	20CNA10	1	7(C402)
175	201375	Trần Thị Lệ	415220014	29/03/2004	22CNTTM02	1	7(C402)
176	201376	Bùi Trúc Linh	411210716	30/07/2003	21CNACLC05	1	7(C402)
177	201377	Đặng Thuỷ Linh	415220154	07/07/2004	22CNTTM01	1	7(C402)
178	201378	Đoàn Thị Khánh Linh	411200289	24/03/2002	20CNA06	1	7(C402)
179	201379	Đồng Khổng Thùy Linh	419220062	08/10/2004	22SPT01	1	7(C402)
180	201380	Hồ Thị Duy Linh	412220124	01/01/2004	22CNATM01	1	7(C402)
181	201381	Hoàng Thị Thùy Linh	412220052	10/12/2004	22CNADL02	1	7(C402)
182	201382	Lê Huyền Linh	411200120	27/01/2002	20CNA02	1	7(C402)
183	201383	Lê Phương Linh	411220281	10/04/2004	22CNA08	1	7(C402)
184	201384	Lê Thị Huyền Linh	412220250	25/01/2004	22CNATMCLC03	1	7(C402)
185	201385	Lê Thị Khánh Linh	411180774	11/07/2000	18CNACLC06	1	7(C402)
186	201386	Lê Thị Linh Linh	412220278	08/11/2004	22CNATMCLC04	1	7(C402)
187	201387	Lê Thị Thùy Linh	411180775	08/04/2000	18CNACLC03	1	7(C402)
188	201388	Lê Thị Thùy Linh	419220009	29/11/2004	22SPA01	1	7(C402)
189	201389	Lưu Phương Linh	412220161	16/08/2004	22CNATM02	1	7(C402)
190	201390	Ngô Thị Mỹ Linh	411220054	10/08/2004	22CNA02	1	7(C402)
191	201391	Nguyễn Mai Linh	411200492	13/02/2002	20CNA11	1	7(C402)
192	201392	Nguyễn Thị Thuỷ Linh	411200712	12/09/2002	20CNACLC06	1	7(C402)
193	201393	Phạm Thị Hoài Linh	419220031	25/02/2004	22SPA02	1	7(C402)
194	201394	Phan Thị Mỹ Linh	411220482	20/03/2004	22CNATT01	1	7(C402)
195	201395	Trần Hà Linh	411210627	29/06/2003	21CNACLC02	1	7(C402)
196	201396	Trần Lê Tú Linh	411220320	19/11/2004	22CNA09	1	7(C402)
197	201397	Trần Thị Diệu Linh	411220206	22/05/2004	22CNA06	1	8(C401)

TT	SBD	Họ và tên		Số thẻ SV	Ngày sinh	Lớp	Ca thi	Phòng thi
198	201398	Trần Thị Mẫn	Linh	415220155	18/07/2004	22CNTDL01	1	8(C401)
199	201399	Trần Thị Trà	Linh	411220053	20/09/2004	22CNA02	1	8(C401)
200	201400	Trương Khánh	Linh	419220050	02/12/2004	22SPP01	1	8(C401)
201	201401	Võ Nhật Khánh	Linh	412220162	10/05/2004	22CNATM02	1	8(C401)
202	201402	Lê Thị	Linh	411220245	04/05/2004	22CNA07	1	8(C401)
203	201403	Hồ Văn	Loan	415220156	31/12/2004	22CNTTM02	1	8(C401)
204	201404	Kiều Thị	Loan	415220086	24/04/2004	22CNTDL01	1	8(C401)
205	201405	Lê Thị	Loan	412220125	12/06/2004	22CNATM01	1	8(C401)
206	201406	Nguyễn Thị	Loan	411180783	11/03/2000	18CNACLC02	1	8(C401)
207	201407	Nguyễn Thị Xuân	Lộc	419220063	09/04/2004	22SPT01	1	8(C401)
208	201408	Đặng Văn Bảo	Long	411220522	18/03/2004	22CNATT02	1	8(C401)
209	201409	Phạm Bảo	Long	416220081	30/04/2004	22CNDPHCLC01	1	8(C401)
210	201410	Bùi Thị Hiền	Lương	419220032	02/06/2004	22SPA02	1	8(C401)
211	201411	Đinh Thị Mai	Lưu	411200598	23/01/2002	20CNACLC02	1	8(C401)
212	201412	Đoàn Nguyễn Hải	Ly	411220523	24/08/2004	22CNATT02	1	8(C401)
213	201413	Dương Thị Khánh	Ly	411190184	17/03/2001	19CNA06	1	8(C401)
214	201414	Phạm Thị Cẩm	Ly	411190622	05/11/2001	19CNACLC06	1	8(C401)
215	201415	Trương Thị Cẩm	Ly	411200165	05/05/2002	20CNA03	1	8(C401)
216	201416	Lê Như	Mai	411200713	23/11/2002	20CNACLC06	1	8(C401)
217	201417	Phạm Thị Ngọc	Mai	411200168	29/05/2002	21CNA03	1	8(C401)
218	201418	Trần Thị Ngọc	Mai	415220122	02/08/2004	22CNTTM02	1	8(C401)
219	201419	Từ Thị Tuyết	Mai	412170945	26/10/1999	17CNATMCLC01	1	8(C401)
220	201420	Lò Thị	Mận	411220246	22/12/2004	22CNA07	1	8(C401)
221	201421	Nguyễn Thị	Mến	411180317	21/12/2000	18CNA07	1	8(C401)
222	201422	Sayyaphet	Minaphone	416220204	04/06/2002	22CNQTH02	1	8(C401)
223	201423	Đỗ Nhật	Minh	412220054	30/08/2004	22CNADL02	1	8(C401)
224	201424	Lê Trần Ánh	Minh	412210187	12/08/2003	21CNADLCLC01	1	8(C401)
225	201425	Lương Nhật	Minh	412220253	21/09/2004	22CNATMCLC03	1	8(C401)
226	201426	Bùi Hoàng Trúc	My	411220485	01/10/2004	22CNATT01	1	8(C401)
227	201427	Đỗ Thảo	My	411190629	09/02/2001	19CNACLC06	1	8(C401)
228	201428	Huỳnh Bùi Kiều	My	411210628	18/12/2003	21CNACLC02	1	8(C401)
229	201429	Huỳnh Việt Thảo	My	411220056	04/04/2004	22CNA02	1	8(C401)
230	201430	Lý Thị Trà	My	411220133	16/04/2004	22CNA04	1	8(C401)
231	201431	Nguyễn Hà	My	411220095	23/08/2004	22CNA03	1	8(C401)
232	201432	Nguyễn Thị Diệu	My	412180803	07/03/2000	18CNATMCLC02	1	8(C401)
233	201433	Nguyễn Thị Kiều	My	411210474	07/11/2003	21CNA09	1	8(C401)
234	201434	Nguyễn Thị Trà	My	412220281	04/06/2004	22CNATMCLC04	1	8(C401)
235	201435	Phạm Nguyễn Trà	My	411210688	19/02/2003	21CNACLC04	1	8(C401)
236	201436	Phạm Thị Trà	My	415220185	30/08/2004	22CNTCLC01	1	8(C401)
237	201437	Thân Võ Kiều	My	413220016	03/05/2004	22CNP01	1	8(C401)
238	201438	Trần Thị Diễm	My	412210057	26/11/2003	21CNADL02	1	8(C401)
239	201439	Lê Thị Kiều	Mỹ	411210139	27/03/2003	21CNA01	1	8(C401)
240	201440	Võ Thị	Mỹ	412210103	14/04/2003	21CNATM01	1	8(C401)
241	201441	Dương Thị Li	Na	412210104	06/10/2003	21CNATM01	1	8(C401)
242	201442	Nguyễn Kiều Ly	Na	412220282	30/07/2004	22CNATMCLC04	1	8(C401)
243	201443	Trần Thị	Na	411200373	15/05/2002	20CNA08	1	8(C401)
244	201444	Trần Thị Lê	Na	411220247	03/02/2004	22CNA07	1	8(C401)
245	201445	Võ Thị Linh	Na	411200599	14/04/2002	20CNACLC02	1	8(C401)
246	201446	Nguyễn Ngọc	Nam	411220487	13/01/2004	22CNATT01	1	8(C401)
247	201447	Ksor H'	Nas	415220054	06/02/2004	22CNT01	1	8(C401)
248	201448	Rơ Châm	Nên	411210659	18/02/2003	21CNACLC03	1	8(C401)

TT	SBD	Họ và tên	Số thẻ SV	Ngày sinh	Lớp	Ca thi	Phòng thi
249	201449	Lê Thị Bích Nga	417220280	26/11/2004	22CNTL01	1	9(C404)
250	201450	Lê Thị Mỹ Nga	419230014	17/07/2005	23SPA01	1	9(C404)
251	201451	Nguyễn Thị Nga	411220018	18/01/2004	22CNA01	1	9(C404)
252	201452	Siu H' Linh Nga	412190960	03/12/2000	19CNATM02	1	9(C404)
253	201453	Trần Thị Huyền Nga	415220124	19/08/2004	22CNTTM01	1	9(C404)
254	201454	Trần Thiên Nga	411200657	02/09/2002	20CNACLC04	1	9(C404)
255	201455	Cao Thanh Tuyết Ngân	411220097	31/08/2004	22CNA03	1	9(C404)
256	201456	Chế Thị Kim Ngân	411170961	28/08/1999	17CNACLC05	1	9(C404)
257	201457	Doãn Võ Thị Kim Ngân	413220044	02/04/2004	22CNPDL01	1	9(C404)
258	201458	Dương Thị Ngân	412220256	07/07/2004	22CNATMCLC03	1	9(C404)
259	201459	Nguyễn Đào Khánh Ngân	411220059	12/02/2004	22CNA02	1	9(C404)
260	201460	Nguyễn Trần Ý Ngân	411220211	10/03/2004	22CNA06	1	9(C404)
261	201461	Phạm Thị Kim Ngân	412200318	10/08/2002	20CNATMCLC03	1	9(C404)
262	201462	Phan Thị Ngân	412200180	30/12/2002	20CNATM02	1	9(C404)
263	201463	Phan Thị Tuyết Ngân	412220283	26/01/2004	22CNATMCLC04	1	9(C404)
264	201464	Trần Thị Thanh Ngân	411210748	20/05/2003	21CNACLC06	1	9(C404)
265	201465	Trần Thị Tuyết Ngân	411220362	16/06/2004	22CNA10	1	9(C404)
266	201466	Võ Hữu Thái Ngân	411220249	06/02/2004	22CNA07	1	9(C404)
267	201467	Vũ Thị Kim Ngân	411200333	19/04/2002	20CNA07	1	9(C404)
268	201468	Nguyễn Thị Thuý Ngần	412210248	18/04/2003	21CNATMCLC02	1	9(C404)
269	201469	Hà Bảo Nghi	411220287	07/09/2004	22CNA08	1	9(C404)
270	201470	Lê Thị Thanh Nghĩa	417220219	18/07/2004	22CNJCLC01	1	9(C404)
271	201471	Hồ Thị Bích Ngọc	411220326	07/09/2004	22CNA09	1	9(C404)
272	201472	Mai Kim Ngọc	411200631	29/09/2002	20CNACLC03	1	9(C404)
273	201473	Mai Thị Hồng Ngọc	412220168	17/01/2004	22CNATM02	1	9(C404)
274	201474	Nguyễn Thị Bảo Ngọc	411220020	16/06/2004	22CNA01	1	9(C404)
275	201475	Phan Từ Bảo Ngọc	416220084	24/04/2004	22CNDPHCLC01	1	9(C404)
276	201476	Trần Thị Bảo Ngọc	411210477	01/01/2003	21CNA09	1	9(C404)
277	201477	Trần Thị Bích Ngọc	417220282	28/09/2004	22CNTL01	1	9(C404)
278	201478	Võ Thị Bích Ngọc	412220129	28/07/2004	22CNATM01	1	9(C404)
279	201479	Mai Hạnh Nguyên	411220399	10/04/2004	22CNACLC01	1	9(C404)
280	201480	Nguyễn Thị Kim Nguyên	413220046	01/06/2004	22CNPDL01	1	9(C404)
281	201481	Phan Thảo Nguyên	412210060	01/01/2003	21CNADL02	1	9(C404)
282	201482	Lê Thị Minh Nguyệt	412200182	19/11/2002	20CNATM02	1	9(C404)
283	201483	Ngô Thị Minh Nguyệt	411210226	12/04/2003	21CNA03	1	9(C404)
284	201484	Nguyễn Thị Xuân Nguyệt	411170395	16/07/1999	17CNA10	1	9(C404)
285	201485	Phạm Minh Nguyệt	411190673	12/07/2001	19CNACLC04	1	9(C404)
286	201486	Trần Thị Minh Nguyệt	411200250	03/10/2002	20CNA05	1	9(C404)
287	201487	Đặng Thị Thanh Nhân	411210268	12/09/2003	21CNA04	1	9(C404)
288	201488	Lê Thị Thanh Nhân	417220126	03/04/2004	22CNHCLC01	1	9(C404)
289	201489	Võ Thị Thùy Nhân	411220490	13/01/2004	22CNATT01	1	9(C404)
290	201490	Phan Thị Anh Nhật	419220064	13/11/2003	22SPT01	1	9(C404)
291	201491	Trần Nguyễn Bảo Nhật	411220327	10/03/2004	22CNA09	1	9(C404)
292	201492	Huỳnh Thị Uyển Nhi	412220060	10/04/2004	22CNADL02	1	9(C404)
293	201493	Lê Bùi Hà Nhi	411230675	26/07/2005	23CNATT02	1	9(C404)
294	201494	Lê Đình Khánh Nhi	411220214	16/12/2004	22CNA06	1	9(C404)
295	201495	Lê Thị Hồng Nhi	411200537	09/08/2002	20CNA12	1	9(C404)
296	201496	Lê Thị Thảo Nhi	412220059	08/03/2004	22CNADL02	1	9(C404)
297	201497	Lê Thị Yến Nhi	416220160	18/08/2004	22CNQTH02	1	9(C404)
298	201498	Ngô Ngọc Nhi	419210074	07/10/2003	22SPP01	1	9(C404)
299	201499	Nguyễn Hoàng Thảo Nhi	412220058	22/08/2004	22CNADL02	1	9(C404)

TT	SBD	Họ và tên	Số thẻ SV	Ngày sinh	Lớp	Ca thi	Phòng thi
300	201500	Nguyễn Hoàng Yến Nhi	411220022	19/05/2004	22CNA01	1	9(C404)
301	201501	Nguyễn Linh Nhi	411200600	20/06/2002	20CNACLC02	2	10(A401)
302	201502	Nguyễn Ngọc Phương Nhi	419220052	15/10/2004	22SPP01	2	10(A401)
303	201503	Nguyễn Thị Nhi	411210269	16/07/2003	21CNA04	2	10(A401)
304	201504	Nguyễn Thị Khánh Nhi	412220019	02/02/2004	22CNADL01	2	10(A401)
305	201505	Nguyễn Thị Mỹ Nhi	415220190	28/09/2004	22CNTCLC01	2	10(A401)
306	201506	Nguyễn Thị Ngọc Nhi	416220120	03/02/2004	22CNQTH01	2	10(A401)
307	201507	Phạm Thị Yến Nhi	412220020	11/10/2004	22CNADL01	2	10(A401)
308	201508	Trà Thiên Huyền Nhi	412200354	02/07/2002	20CNATMCLC04	2	10(A401)
309	201509	Trần Lê Phương Nhi	412210190	19/01/2003	21CNADLCLC01	2	10(A401)
310	201510	Trần Lưu Yến Nhi	413210060	24/12/2003	21CNPDL01	2	10(A401)
311	201511	Trần Tuyết Nhi	416220121	25/03/2004	22CNQTH01	2	10(A401)
312	201512	Văn Lê Yến Nhi	411220492	19/02/2003	22CNATT01	2	10(A401)
313	201513	Võ Thị Yến Nhi	411180389	20/05/2000	18CNA02	2	10(A401)
314	201514	Võ Yến Nhi	411230250	20/07/2005	23CNA06	2	10(A401)
315	201515	Nguyễn Thị Kiều Nhiên	411210479	17/04/2003	21CNA09	2	10(A401)
316	201516	Lê Thị Ngọc Như	412220062	18/05/2004	22CNADL02	2	10(A401)
317	201517	Mai Thị Quỳnh Như	412220313	29/09/2004	22CNATMĐT01	2	10(A401)
318	201518	Nguyễn Ngọc Như	411220101	18/03/2004	22CNA03	2	10(A401)
319	201519	Nguyễn Thị Quỳnh Như	411220429	13/03/2001	22CNACLC02	2	10(A401)
320	201520	Bùi Thị Hồng Nhung	416220123	01/03/2004	22CNQTH01	2	10(A401)
321	201521	Hoàng Thị Cẩm Nhung	412220314	23/11/2004	22CNATMĐT01	2	10(A401)
322	201522	Lương Thị Thanh Nhung	411170446	19/03/1999	17CNA03	2	10(A401)
323	201523	Mai Nguyễn Hồng Nhung	412220063	19/12/2004	22CNADL02	2	10(A401)
324	201524	Ngô Thị Hồng Nhung	411200634	26/07/2002	20CNACLC03	2	10(A401)
325	201525	Nguyễn Thị Xuân Nhung	411210144	11/04/2003	21CNA01	2	10(A401)
326	201526	Phan Thị Thùy Nhung	411220329	17/09/2004	22CNA09	2	10(A401)
327	201527	Thái Thị Hồng Nhung	416220162	23/10/2004	22CNQTH02	2	10(A401)
328	201528	Võ Thị Phương Nhung	411220215	19/08/2004	22CNA06	2	10(A401)
329	201529	Võ Thị Hồng Ni	411200210	21/05/2002	20CNA04	2	11(A402)
330	201530	Nguyễn Văn Nin	415220058	25/01/2004	22CNTDL01	2	11(A402)
331	201531	Nguyễn Thị Nữ	412200183	02/08/2002	20CNATM02	2	11(A402)
332	201532	Lê Thị Bảo Ny	411200693	28/07/2002	20CNACLC05	2	11(A402)
333	201533	Trần Tiểu Ny	419220053	30/04/2004	22SPP01	2	11(A402)
334	201534	Nguyễn Thị Kiều Oanh	412220171	14/06/2004	22CNATM02	2	11(A402)
335	201535	Nguyễn Thị Kim Oanh	413220018	05/01/2004	22CNP01	2	11(A402)
336	201536	Trần Kim Oanh	411200635	03/10/2002	20CNACLC03	2	11(A402)
337	201537	Đoàn Đình Phát	412230026	22/02/2005	23CNADL01	2	11(A402)
338	201538	Lê Hoàng Nhật Phi	411220102	02/09/2004	22CNA03	2	11(A402)
339	201539	Phan Thị Uyên Phi	411220402	10/09/2004	22CNACLC01	2	11(A402)
340	201540	Nguyễn Trịnh Hồng Phúc	411210605	09/08/2003	21CNACLC01	2	11(A402)
341	201541	Phạm Thị Ngọc Phúc	419220017	16/11/2004	22SPA01	2	11(A402)
342	201542	Trần Vĩnh Phúc	412220317	17/10/2004	22CNATMĐT01	2	11(A402)
343	201543	Huỳnh Thị Uyên Phương	411200253	25/09/2002	20CNA05	2	11(A402)
344	201544	Lê Thị Băng Phương	411210694	04/05/2003	21CNACLC04	2	11(A402)
345	201545	Lê Thị Như Phương	411210724	11/07/2003	21CNACLC05	2	11(A402)
346	201546	Ngô Thị Thanh Phương	412220064	03/10/2004	22CNADL02	2	11(A402)
347	201547	Trần Thị Phương	411210567	20/03/2003	21CNATT01	2	11(A402)
348	201548	Trần Thị Thu Phương	415220024	22/05/2004	22CNTTM02	2	11(A402)
349	201549	Trịnh Thị Hoài Phương	411220178	03/06/2004	22CNA05	2	11(A402)
350	201550	Trương Hoàng Hà Phương	415220128	30/08/2004	22CNTTM01	2	11(A402)

TT	SBD	Họ	và tên	Số thẻ SV	Ngày sinh	Lớp	Ca thi	Phòng thi
351	201551	Võ Thị Thu	Phuong	412210112	10/03/2003	21CNATM01	2	11(A402)
352	201552	Huỳnh Thị Mai	Phượng	412220318	16/06/2004	22CNATMĐT01	2	11(A402)
353	201553	Lê Thị Hồng	Phượng	412220172	24/03/2004	22CNATM02	2	11(A402)
354	201554	Phạm Thị	Phượng	411220292	30/08/2003	22CNA08	2	11(A402)
355	201555	Phạm Thị Hồng	Phượng	411210695	29/04/2003	21CNACLC04	2	11(A402)
356	201556	Phan Thị	Phượng	411180872	26/12/1999	18CNACLC03	2	11(A402)
357	201557	Võ Thị Uyên	Phượng	411180873	18/12/2000	18CNACLC06	2	12(A403)
358	201558	Ksor H'	Prý	415220164	18/01/2004	22CNT01	2	12(A403)
359	201559	Lê Thị Tường	Qui	412200141	23/04/2002	20CNATM01	2	12(A403)
360	201560	Đinh Thị Ngọc	Quý	415220025	29/02/2004	22CNTTM02	2	12(A403)
361	201561	Trịnh Công	Quý	411220141	06/08/2004	22CNA04	2	12(A403)
362	201562	Đinh Huyền Diệu	Quyên	415220094	26/06/2004	22CNT01	2	12(A403)
363	201563	Huỳnh Thị Lệ	Quyên	411200384	05/09/2002	20CNA08	2	12(A403)
364	201564	Mai Thị Lệ	Quyên	411210755	28/09/2003	21CNACLC06	2	12(A403)
365	201565	Ngô Hà Khánh	Quyên	412200142	01/06/2002	21CNATM01	2	12(A403)
366	201566	Nguyễn Mỹ	Quyên	412200294	05/02/2002	20CNATMCLC02	2	12(A403)
367	201567	Nguyễn Thị Hoài	Quyên	417220093	27/01/2004	22CNH03	2	12(A403)
368	201568	Trần Đặng Bảo	Quyên	411200661	13/04/2002	20CNACLC04	2	12(A403)
369	201569	Trần Thị Ánh	Quyên	412200263	20/08/2002	20CNATMCLC01	2	12(A403)
370	201570	Cao Thị Như	Quỳnh	411200664	28/04/2002	20CNACLC04	2	12(A403)
371	201571	Chu Thị	Quỳnh	411181001	08/12/1999	18CNA09	2	12(A403)
372	201572	Hứa Thị Diễm	Quỳnh	412220262	09/02/2004	22CNATMCLC03	2	12(A403)
373	201573	Lê Thị Như	Quỳnh	411220293	23/07/2004	22CNA08	2	12(A403)
374	201574	Nguyễn Thị Diễm	Quỳnh	411220026	10/12/2004	22CNA01	2	12(A403)
375	201575	Nguyễn Thị Như	Quỳnh	411210483	26/10/2003	21CNA09	2	12(A403)
376	201576	Phạm Diễm	Quỳnh	412220288	02/01/2004	22CNATMCLC04	2	12(A403)
377	201577	Tôn Nguyễn Như	Quỳnh	412220174	06/04/2004	22CNATM02	2	12(A403)
378	201578	Vũ Thị Như	Quỳnh	411210696	26/06/2003	21CNACLC04	2	12(A403)
379	201579	Kpã H'	Rawi	412200209	01/11/2001	20CNATM03	2	12(A403)
380	201580	Trần Nguyễn Tuệ	San	411220143	24/06/2004	22CNA04	2	12(A403)
381	201581	Lê Thị	Sang	411220181	20/06/2004	22CNA05	2	12(A403)
382	201582	Trần Thị Thúy	Sương	412220067	04/01/2004	22CNADL02	2	12(A403)
383	201583	Tạ Tiến	Tài	411220294	18/04/2004	22CNA08	2	12(A403)
384	201584	Cao Tổ	Tâm	411210756	19/01/2003	21CNACLC06	2	12(A403)
385	201585	Huỳnh Minh	Tâm	411171048	23/12/1999	17CNACLC06	2	13(B401)
386	201586	Huỳnh Thị Minh	Tâm	412200108	16/07/2002	20CNADL03	2	13(B401)
387	201587	Võ Thị Thanh	Tâm	411200092	08/10/2002	21CNA01	2	13(B401)
388	201588	Đỗ Hồng	Thắm	412210312	21/11/2003	21CNATMCLC04	2	13(B401)
389	201589	Ksor	Thắm	411200341	10/03/2002	20CNA07	2	13(B401)
390	201590	Phan Thị Hồng	Thắm	411210444	25/02/2003	21CNA08	2	13(B401)
391	201591	Trần Thị	Thắm	412170537	03/03/1999	17CNADL03	2	13(B401)
392	201592	Bạch Thái	Thanh	411171054	12/02/1999	17CNACLC06	2	13(B401)
393	201593	Bùi Văn	Thanh	411220067	20/03/2004	22CNA02	2	13(B401)
394	201594	Lưu Quốc	Thanh	411200342	05/02/2002	20CNA07	2	13(B401)
395	201595	Mai Việt	Thành	415220096	28/01/2004	22CNTTM02	2	13(B401)
396	201596	Trần Công	Thành	411210319	02/03/2003	21CNA05	2	13(B401)
397	201597	Bùi Thị Phương	Thảo	411220296	14/08/2004	22CNA08	2	13(B401)
398	201598	Cao Nguyễn Thanh	Thảo	416220168	08/03/2004	22CNQTH02	2	13(B401)
399	201599	Đỗ Thị Thu	Thảo	411220297	02/04/2004	22CNA08	2	13(B401)
400	201600	Hồ Lê Kim	Thảo	411210488	02/11/2003	21CNA09	2	13(B401)
401	201601	Hồ Thị Phương	Thảo	415220027	20/09/2004	22CNTDL01	2	13(B401)

TT	SBD	Họ và tên	Số thẻ SV	Ngày sinh	Lớp	Ca thi	Phòng thi
402	201602	Hồ Thị Phương Thảo	411220536	24/08/2004	22CNATT02	2	13(B401)
403	201603	Hồ Thị Phương Thảo	412220068	12/04/2004	22CNADL02	2	13(B401)
404	201604	Hoàng Phương Thảo	412171059	14/03/1999	17CNATMCLC03	2	13(B401)
405	201605	Hoàng Thị Thảo	411220537	13/02/2004	22CNATT02	2	13(B401)
406	201606	Huỳnh Nguyễn Diệu Thảo	412200331	18/02/2002	20CNATMCLC03	2	13(B401)
407	201607	Lộc Thị Thảo	415220063	12/05/2004	22CNTDL01	2	13(B401)
408	201608	Nguyễn Thị Thảo	415220166	22/09/2004	22CNTDL01	2	13(B401)
409	201609	Nguyễn Thị Kim Thảo	412220235	19/08/2004	22CNATMCLC02	2	13(B401)
410	201610	Nguyễn Thị Phương Thảo	411200508	03/01/2002	20CNA11	2	13(B401)
411	201611	Nguyễn Thị Thanh Thảo	419220040	18/10/2004	22SPA02	2	13(B401)
412	201612	Phạm Huỳnh Nhật Thảo	411220029	03/11/2004	22CNA01	2	13(B401)
413	201613	Phạm Thị Thanh Thảo	411220069	21/10/2004	22CNA02	2	14(B402)
414	201614	Phan Thanh Thảo	411200135	08/08/2002	20CNA02	2	14(B402)
415	201615	Phan Thị Phương Thảo	411200137	01/02/2002	20CNA02	2	14(B402)
416	201616	Phan Thị Thanh Thảo	412200234	02/05/2002	20CNATM03	2	14(B402)
417	201617	Phương Thị Thảo	411210237	05/11/2003	22CNA03	2	14(B402)
418	201618	Trà Thị Kim Thảo	417220096	14/01/2004	22CNH03	2	14(B402)
419	201619	Trần Ngọc Nhật Thảo	412200265	11/06/2002	20CNATMCLC01	2	14(B402)
420	201620	Trần Nguyễn Thạch Thảo	411220145	03/12/2004	22CNA04	2	14(B402)
421	201621	Trần Thị Thảo	411220220	10/01/2004	22CNA06	2	14(B402)
422	201622	Trần Thị Thanh Thảo	411171058	27/12/1999	17CNACLC02	2	14(B402)
423	201623	Vũ Hương Thảo	412210070	19/02/2003	21CNADL02	2	14(B402)
424	201624	Hoàng Khánh Thi	412210285	17/10/2003	21CNATMCLC03	2	14(B402)
425	201625	Nguyễn Ngọc Bảo Thi	411210728	18/11/2003	21CNACLC05	2	14(B402)
426	201626	Hồ Thị Thiện	411200511	29/05/2002	20CNA11	2	14(B402)
427	201627	Lê Đức Thiện	411200469	20/07/2002	20CNA10	2	14(B402)
428	201628	Hoàng Thị Mai Thơ	415220132	04/04/2004	22CNT01	2	14(B402)
429	201629	Phan Thị Anh Thơ	412220176	02/07/2004	22CNATM02	2	14(B402)
430	201630	Nguyễn Đức Thọ	412180902	22/02/2000	18CNATMCLC03	2	14(B402)
431	201631	Nguyễn Thị Hồng Thoa	411220373	03/08/2004	22CNA10	2	14(B402)
432	201632	Nguyễn Thị Kim Thoa	411210573	28/06/2003	21CNATT01	2	14(B402)
433	201633	Nguyễn Thị Thanh Thoàng	411200094	17/04/2002	20CNA01	2	14(B402)
434	201634	Nguyễn Thị Thu	411210280	22/01/2003	21CNA04	2	14(B402)
435	201635	Đỗ Hà Anh Thư	412220209	27/09/2004	22CNATMCLC01	2	14(B402)
436	201636	Đỗ Thị Anh Thư	411171068	25/12/1999	17CNACLC04	2	14(B402)
437	201637	Hoàng Mai Anh Thư	415220168	16/02/2004	22CNT01	2	14(B402)
438	201638	Lê Minh Thư	411230567	10/03/2005	23CNA14	2	14(B402)
439	201639	Nguyễn Hồng Minh Thư	411230647	01/04/2005	23CNATT01	2	14(B402)
440	201640	Nguyễn Nhân Anh Thư	416200176	04/09/2002	20CNQTH03	2	14(B402)
441	201641	Nguyễn Nhật Thư	411200306	28/04/2002	20CNA06	2	15(B403)
442	201642	Nguyễn Thị Anh Thư	411220109	22/06/2004	22CNA03	2	15(B403)
443	201643	Nguyễn Thị Minh Thư	412220263	14/01/2004	22CNATMCLC03	2	15(B403)
444	201644	Phạm Quỳnh Thư	412210225	21/02/2003	21CNATMCLC01	2	15(B403)
445	201645	Phạm Thanh Thư	412220071	13/11/2004	22CNADL02	2	15(B403)
446	201646	Trần Thị Bích Thuận	416220061	11/05/2004	22CNDPH01	2	15(B403)
447	201647	Hồ Thị Thương	411220336	24/03/2004	22CNA09	2	15(B403)
448	201648	Lê Phạm Hoài Thương	412220210	21/11/2004	22CNATMCLC01	2	15(B403)
449	201649	Ngô Hoài Thương	412220325	17/12/2004	22CNATMĐT01	2	15(B403)
450	201650	Nguyễn Thị Hoài Thương	417220100	13/04/2004	22CNH03	2	15(B403)
451	201651	Trương Thị Hoài Thương	415220099	01/12/2004	22CNT01	2	15(B403)
452	201652	Vũ Lê Khánh Thương	411200606	15/12/2002	20CNACLC02	2	15(B403)

TT	SBD	Họ và tên	Số thẻ SV	Ngày sinh	Lớp	Ca thi	Phòng thi
453	201653	Hồ Thị Thu Thúy	412190768	01/06/2001	19CNATMCLC01	2	15(B403)
454	201654	Hoàng Thị Phương Thúy	411210155	13/04/2003	21CNA01	2	15(B403)
455	201655	Nguyễn Lê Diệu Thúy	411220148	29/03/2004	22CNA04	2	15(B403)
456	201656	Nguyễn Thanh Thúy	412210074	18/02/2003	21CNADL02	2	15(B403)
457	201657	Nguyễn Thị Thúy	412220033	02/03/2004	22CNADL01	2	15(B403)
458	201658	Thái Thị Thanh Thúy	411200096	10/04/2002	20CNA01	2	15(B403)
459	201659	Trần Thị Ngọc Thúy	412210257	02/01/2003	21CNATMCLC02	2	15(B403)
460	201660	Nguyễn Thị Minh Thùy	411220224	10/10/2004	22CNA06	2	15(B403)
461	201661	Đỗ Thị Thanh Thùy	411200720	08/01/2002	20CNACLC06	2	15(B403)
462	201662	Huỳnh Thị Thanh Thùy	412200270	01/07/2002	21CNATMCLC01	2	15(B403)
463	201663	Nguyễn Thị Thùy	411220501	11/10/2004	22CNATT01	2	15(B403)
464	201664	Phạm Thị Thanh Thùy	412220073	29/11/2004	22CNADL02	2	15(B403)
465	201665	Trần Thị Thanh Thùy	411190384	08/07/2001	19CNA06	2	15(B403)
466	201666	Lý Quỳnh Thy	411200815	17/06/2002	20CNACLC08	2	15(B403)
467	201667	Nguyễn Cẩm Tiên	411220540	08/11/2004	22CNATT02	2	15(B403)
468	201668	Nguyễn Hoàng Thủy Tiên	411220502	03/06/2004	22CNATT01	2	15(B403)
469	201669	Nguyễn Thanh Tiên	412210035	05/07/2003	21CNADL01	2	16(C402)
470	201670	Nguyễn Thị Nhật Tiên	411200515	16/06/2002	20CNA11	2	16(C402)
471	201671	Phạm Thị Tiên	412200272	14/08/2002	20CNATMCLC01	2	16(C402)
472	201672	Nguyễn Thị Ngọc Tiền	411170638	16/03/1999	17CNA09	2	16(C402)
473	201673	Phạm Thị Anh Tiệp	417220102	26/11/2004	22CNH03	2	16(C402)
474	201674	Hoàng Huỳnh Bích Trâm	412190794	23/11/2001	19CNATMCLC01	2	16(C402)
475	201675	Nguyễn Thị Hoài Trâm	413210074	01/03/2003	21CNPDL01	2	16(C402)
476	201676	Nguyễn Thị Ngọc Trâm	412200273	07/12/2001	20CNATMCLC01	2	16(C402)
477	201677	Trần Thị Yến Trâm	411220338	13/05/2004	22CNA09	2	16(C402)
478	201678	Võ Thị Vân Trâm	411220033	22/09/2004	22CNA01	2	16(C402)
479	201679	Dương Thị Trâm	412220075	22/05/2004	22CNADL02	2	16(C402)
480	201680	Châu Bảo Trân	412210228	14/12/2003	21CNATMCLC01	2	16(C402)
481	201681	Lê Nguyễn Bảo Trân	411220542	25/08/2004	22CNATT02	2	16(C402)
482	201682	Phạm Hà Bảo Trân	412220266	04/10/2004	22CNATMCLC03	2	16(C402)
483	201683	Phan Hoài Bảo Trân	413220025	12/05/2004	22CNP01	2	16(C402)
484	201684	Phan Nguyễn Quế Trân	411220264	20/01/2004	22CNA07	2	16(C402)
485	201685	Phan Thị Ngọc Trân	419220042	06/06/2004	22SPA02	2	16(C402)
486	201686	Trương Thùy Trân	411220188	18/10/2004	22CNA05	2	16(C402)
487	201687	Chu Thị Trang	411200608	04/10/2002	20CNACLC02	2	16(C402)
488	201688	Đặng Thị Thu Trang	412170688	18/03/1999	17CNADL03	2	16(C402)
489	201689	Đỗ Thị Thùy Trang	412180939	20/09/2000	18CNATMCLC01	2	16(C402)
490	201690	Đoàn Khánh Trang	412240117	27/02/2004	24CNADL03	2	16(C402)
491	201691	Đoàn Thị Kiều Trang	411220074	15/05/2004	22CNA02	2	16(C402)
492	201692	Lê Thị Huyền Trang	412220143	04/12/2004	22CNATM01	2	16(C402)
493	201693	Lê Thị Thùy Trang	411200581	01/01/2002	20CNACLC01	2	16(C402)
494	201694	Lê Thị Thùy Trang	411200789	17/06/2002	20CNACLC07	2	16(C402)
495	201695	Lê Thị Thùy Trang	412210229	23/07/2003	21CNATMCLC01	2	16(C402)
496	201696	Nguyễn Quỳnh Trang	411200549	13/04/2002	20CNA12	2	16(C402)
497	201697	Nguyễn Thị Trang	411210535	27/08/2003	21CNA10	2	17(C401)
498	201698	Nguyễn Thị Huyền Trang	411220377	10/02/2003	22CNA10	2	17(C401)
499	201699	Nguyễn Thị Huyền Trang	411190787	29/04/2001	19CNACLC08	2	17(C401)
500	201700	Nguyễn Thị Huyền Trang	412170686	08/06/1999	17CNADL02	2	17(C401)
501	201701	Nguyễn Thị Khánh Trang	412220076	01/06/2004	22CNADL02	2	17(C401)
502	201702	Nguyễn Thị Thu Trang	411200791	01/01/2002	20CNACLC07	2	17(C401)
503	201703	Nguyễn Thùy Trang	411200432	07/12/2002	20CNA09	2	17(C401)

TT	SBD	Họ và tên	Số thẻ SV	Ngày sinh	Lớp	Ca thi	Phòng thi
504	201704	Phan Thị Huyền Trang	417210110	16/06/2003	22CNH01	2	17(C401)
505	201705	Trần Thị Thùy Trang	412220293CN	09/04/2004	23CNQTH01	2	17(C401)
506	201706	Trần Thị Thùy Trang	417220258	23/08/2004	22CNJTM01	2	17(C401)
507	201707	Võ Thị Thùy Trang	411200552	05/11/2002	20CNA12	2	17(C401)
508	201708	Doãn Thị Anh Trinh	411220378	25/11/2004	22CNA10	2	17(C401)
509	201709	Hoàng Thị Tuyết Trinh	411210327	16/03/2003	21CNA05	2	17(C401)
510	201710	Kiều Nguyễn Quỳnh Trinh	412230034	19/07/2005	23CNADL01	2	17(C401)
511	201711	Lê Ngọc Phương Trinh	416220066	07/02/2004	22CNDPH01	2	17(C401)
512	201712	Lê Nguyệt Trinh	411171111	29/07/1999	17CNACLC04	2	17(C401)
513	201713	Lê Thị Kim Trinh	411220505	05/09/2004	22CNATT01	2	17(C401)
514	201714	Lê Thị Ngọc Trinh	411170713	02/01/1999	17CNA01	2	17(C401)
515	201715	Nguyễn Thị Kiều Trinh	411220114	22/12/2004	22CNA03	2	17(C401)
516	201716	Phạm Nguyễn Hiền Trinh	411210200	27/07/2003	21CNA02	2	17(C401)
517	201717	Trần Thị Trinh	411220035	14/04/2004	22CNA01	2	17(C401)
518	201718	Trần Thị Hiền Trinh	412220239	05/02/2004	22CNATMCLC02	2	17(C401)
519	201719	Lương Huỳnh Lệ Trúc	417220261	23/07/2004	22CNJTM01	2	17(C401)
520	201720	Trần Minh Trúc	417220260	10/07/2004	22CNJTM01	2	17(C401)
521	201721	Lê Thị Thanh Tú	417220262	13/02/2004	22CNJTM01	2	17(C401)
522	201722	Ngô Thị Cẩm Tú	412220077	17/03/2004	22CNADL02	2	17(C401)
523	201723	Nguyễn Cẩm Tú	415220172	03/07/2004	22CNT01	2	17(C401)
524	201724	Nguyễn Thị Cẩm Tú	412170724	14/04/1999	17CNADL01	2	17(C401)
525	201725	Nguyễn Thị Cẩm Tú	412170721	20/04/1999	17CNADL02	2	18(C404)
526	201726	Lê Thị Tư	412170726	06/01/1999	17CNADL01	2	18(C404)
527	201727	Lê Quốc Tuấn	412200274	03/01/2002	20CNATMCLC01	2	18(C404)
528	201728	Nguyễn Thị Thanh Tuyền	411171123	01/12/1999	17CNACLC06	2	18(C404)
529	201729	Đặng Thị Tuyết	411220466	06/01/2004	22CNACLC03	2	18(C404)
530	201730	Lương Thị Tuyết	411180958	20/10/2000	18CNACLC01	2	18(C404)
531	201731	Phạm Thị Ánh Tuyết	413210042	01/11/2003	22CNP01	2	18(C404)
532	201732	Phạm Thị Bùi Tuyết	411200793	08/06/2002	20CNACLC07	2	18(C404)
533	201733	Huỳnh Thị Ty Ty	411220506	13/02/2004	22CNATT01	2	18(C404)
534	201734	Đặng Mỹ Uyên	412220144	18/09/2004	22CNATM01	2	18(C404)
535	201735	Hoàng Thu Uyên	412200365	21/08/2002	20CNATMCLC04	2	18(C404)
536	201736	Lê Thị Như Uyên	411210538	01/04/2003	21CNA10	2	18(C404)
537	201737	Lê Tố Uyên	411210412	06/09/2003	21CNA07	2	18(C404)
538	201738	Lương Thị Thu Uyên	411200670	31/05/2002	20CNACLC04	2	18(C404)
539	201739	Ngô Phan Thảo Uyên	411171137	03/03/1999	17CNACLC01	2	18(C404)
540	201740	Nguyễn Thị Giao Uyên	411220545	20/07/2004	22CNATT02	2	18(C404)
541	201741	Nguyễn Tố Uyên	411210614	05/06/2003	21CNACLC01	2	18(C404)
542	201742	Trần Đỗ Tố Uyên	412220267	14/12/2004	22CNATMCLC03	2	18(C404)
543	201743	Trần Thảo Uyên	411180967	11/06/2000	18CNACLC03	2	18(C404)
544	201744	Võ Như Ngọc Uyên	411220304	05/10/2004	22CNA08	2	18(C404)
545	201745	Huỳnh Thị Vân	412210169	24/02/2003	21CNATM02	2	18(C404)
546	201746	Lê Thị Vân	411171140	01/01/1999	17CNACLC06	2	18(C404)
547	201747	Trần Thị Tuyết Vân	411210704	10/11/2003	21CNACLC04	2	18(C404)
548	201748	Nguyễn Thị Tường Vi	416220071	03/05/2004	22CNDPH01	2	18(C404)
549	201749	Nguyễn Thị Yến Vi	411220305	10/10/2004	22CNA08	2	18(C404)
550	201750	Võ Thị Tường Vi	412220330	07/01/2004	22CNATMĐT01	2	18(C404)
551	201751	Lê Thị Thủy Vĩ	415220173	05/11/2003	22CNT01	2	18(C404)
552	201752	Nguyễn Phụng Vĩ	416220072	15/09/2004	22CNDPH01	2	18(C404)
553	201753	Nguyễn Tấn Viễn	411200394	27/07/2002	20CNA08	2	18(C404)
554	201754	Nguyễn Tuấn Việt	412230080	08/10/2005	23CNADL02	2	18(C404)

TT	SBD	Họ và tên	Số thẻ SV	Ngày sinh	Lớp	Ca thi	Phòng thi
555	201755	Hoàng Thị Vĩnh	412220145	19/04/2004	22CNATM01	2	18(C404)
556	201756	Võ Tấn Vũ	416220180	18/11/2004	22CNQTH02	2	18(C404)
557	201757	Bùi Thị Hà Vy	412220079	06/07/2004	22CNADL02	2	18(C404)
558	201758	Đinh Yên Vy	417220295	21/03/2004	22CNTL01	2	18(C404)
559	201759	Hồ Thị Trúc Vy	411220116	29/06/2004	22CNA03	2	18(C404)
560	201760	Hồ Thị Tường Vy	412220331	20/10/2004	22CNATMĐT01	2	18(C404)
561	201761	Lê Thị Tường Vy	412200158	10/04/2002	20CNATM01	2	18(C404)
562	201762	Phạm Hà Vy	411220077	18/08/2004	22CNA02	2	18(C404)
563	201763	Tạ Nhật Vy	415220204	10/08/2004	22CNTCLC01	2	18(C404)
564	201764	Phạm Thị Vỹ	411180634	24/09/2000	18CNA03	2	18(C404)
565	201765	Võ Thị Hồng Xuyên	411220306	03/10/2004	22CNA08	2	18(C404)
566	201766	Ngân Thị Ý	412210126	24/01/2003	21CNATM01	2	18(C404)
567	201767	Nguyễn Phan Thị Như Ý	411171165	10/07/1999	17CNACLC01	2	18(C404)
568	201768	Nguyễn Trần Như Ý	411171166	29/03/1999	17CNACLC07	2	18(C404)
569	201769	Dương Thị Hải Yến	411190840	30/05/2001	19CNACLC03	2	18(C404)
570	201770	Hoàng Thị Hải Yến	415220070	25/12/2004	22CNTDL01	2	18(C404)
571	201771	Hoàng Thị Hải Yến	412220185	22/01/2004	22CNATM02	2	18(C404)
572	201772	Nguyễn Thị Bảo Yến	419220022	06/11/2004	22SPA01	2	18(C404)
573	201773	Trần Thị Bảo Yến	411210735	06/03/2002	22CNACLC03	2	18(C404)
574	201774	Vũ Hoàng Yến	412200276	23/06/2002	20CNATMCLC01	2	18(C404)
575	201775	Vũ Thị Hải Yến	412210293	19/01/2002	21CNATMCLC03	2	18(C404)

Danh sách có 575 thí sinh./.